TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: **142**/2020/HC-PT
Ngày: 21-7-2020
V/v: "khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long;

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thanh Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "*Khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1141/2020/QĐ-PT ngày 30/6/ 2020, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*:** Bà Cao Thị Ngọc L; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Lê Thị Trà M- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công M1 - Phó Chủ tịch UBND huyện P1 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2018). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang H – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công S - Phó Chủ tịch UBND xã V. Có mặt.

3.2. Bà Cao Thị Thanh T; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3.4. Anh Trần Đình Q; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2016, Đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2016 của bà Cao Thị Ngọc L và các tài liệu có trong hồ sơ, Người khởi kiện bà Cao Thị Ngọc L trình bày như sau:

Nguyên thửa đất số 69, tờ bản đồ số 65, diện tích 172m^2 tọa lạc tại thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc là do ủy ban nhân dân huyện P1 cấp cho bà L làm nhà ở từ năm 1998 sau khi bà L có Đơn xin giao đất làm nhà đề ngày 30/7/1998 gửi ủy ban nhân dân huyện P1. Trên thửa đất có ngôi nhà của vợ chồng bà L đã xây dụng và sinh sống ổn định, thế nhưng khi chưa có ý kiến của bà L thì Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Hữu T2. Vì thực tế trong diện tích 172m^2 này có l00m^2 là diện tích đất mà bà L có Đơn xin giao đất 14/11/1998 được Ủy ban nhân dân huyện P1 xác nhận và 72m^2 còn lại là bà L mua của ông Cao Hữu Th. Sau đó, ông Cao Hữu T2 tách thửa và tặng cho bà Cao Thị Thanh T quyền sử dụng đất 70m^2 trong toàn bộ diện tích 172m^2 thửa đất nói trên. Tuy nhiên, việc tách thửa này của ủy ban nhân dân huyện P1 là không đúng quy định pháp luật vì trên phần diện tích 70m^2 mà ông T2 tặng cho bà T có chồng lấn một phần diện tích ngôi nhà của vợ chồng Bà với diện tích khoảng 10m^2.

Do UBND huyện P1 cấp Giấy CNQSD đất số BC 150711 ngày 29/12/2010 cho ông T2 là sai đối tượng vì thửa đất này UBND huyện P1 đã cấp cho bà L làm nhà ở từ năm 1998; việc tách thửa đất nói trên thành 2 phần mà không xem xét đến hiện trạng nhà ở trên thửa đất nên dẫn đến việc nhà ở của bà L tồn tại trên hai thửa đất khác nhau là trái với các quy định tách thửa và hợp thửa đất. Hơn nữa, sau khi được nhận chuyển quyền sử dụng đất do ông T2 tặng cho, bà T bán cho người khác nên gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Không đồng ý với việc cấp giấy và chuyển quyền sử dụng đất nên ngày 25/5/2016 bà L có đơn kiến nghị với UBND huyện P1, Thanh tra huyện P1 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P1. Ngày 10/10/2016, Chủ tịch UBND huyện P1 đã ban hanh Công văn số 1826/UBND-

TNMT (viết tắt là Công văn số 1826) trả lời bà Cao Thị Ngọc L nội dung: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa để thực hiện hợp đồng tặng cho giữa ông T2 với bà L, bà T là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Do đó, bà Cao Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1826/UBND-TNMT ngày 10/10/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện P1 về việc trả lời đơn của bà Cao Thị Ngọc L và xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy CNQSDĐ) số hiệu BC150711 do ủy ban nhân dân huyện P1 cấp cho ông Cao Hữu T2 ngày 29/12/2010.

Người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P1, người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Công M1 trình bày:

+ Về yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 150711 mà UBND huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2:

Năm 1998, ông Cao Hữu T2 và con là bà Cao Thị Ngọc L từ miền Bắc vào. Ông T2 đã có đơn xin cấp đất làm nhà nhưng do ông T2 đã cao tuổi và chưa có hộ khẩu nên nhờ bà L đứng tên thay và được UBND xã V đồng ý đã giao cho bà L đứng tên lập thủ tục giao đất. Ngày 30/7/1998, bà Cao Thị Ngọc L có đơn xin giao đất và được UBND xã V xác nhận vào ngày 02/10/1998 tại thửa đất số 393, diện tích 200,0m^2. Đến ngày 20/11/1998, UBND huyện P1 đồng ý giải quyết giao đất cho bà L. Tuy nhiên, từ thời điểm năm 1998 đến nay, bà L không thực hiện bất cứ một nghĩa vụ tài chính nào liên quan đến thửa đất và UBND huyện P1 cũng không ban hành bất cứ một quyết định hành chính nào về giao thửa đất đó cho bà L.

Ngày 10/01/2005, ông Cao Hữu T2 có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 17/10/2005, đơn của ông T2 được UBND xã V xác nhận về nguồn gốc là đất ở và thời điểm sử dụng năm 1998, đất không có tranh chấp.

Ngày 01/6/2005, UBND xã V nhận được đơn khiếu nại của bà L về việc ông T2 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên. Quá trình giải quyết khiếu nại của bà L tại UBND xã V không thành nhưng sau đó ông T2 và bà L đã đồng thuận để cho ông T2 được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 336.

Ngày 30/01/2007, ông T2 đã thực hiện các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất. Do đó, ngày 05/4/2007 UBND huyện P1, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AH 974689 cho ông Cao Hữu T2 tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 tọa lạc tại thôn P, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2010, ông T2 đã có đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất với diện tích 72m^2 đất nông nghiệp, thửa đất liền kề với thửa đất số hiệu AH 974689, nội dung kê khai nguồn gốc là đất do gia đình sử dụng ổn định từ năm 1993.

Trên cơ sở các thủ tục do UBND xã V lập, ngày 02/7/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất số hiệu BA 365303 cho ông Cao Hữu T2 tại thửa đất số 544, tờ bản đồ số 04, diện tích 72m^2, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/7/2010.

Ngày 19/10/2010, ông Cao Hữu T2 có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất từ' đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại thửa đất 554, tờ bản đồ số 04, diện tích 72m^2 đã được UBND xã V xác nhận. Sau đó, ông T2 đã có Đơn xin hợp 02 thửa đất số 554 và 336 thành một thửa để thuận tiện cho quá trình sử dụng đất. UBND huyện đã đồng ý và cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 65, diện tích 172m^2, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn.

Về vấn đề tách thửa: Khi thực hiện Hợp đồng tặng cho bà Cao Thị Ngọc L thì ông Cao Hữu T2 đã có Đơn xin tách thừa đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 65 thành 02 thửa là thừa đất số 229 (548), tờ bản đồ số 65, diện tích 102 m^2 cho bà L,; đã ký xác nhận không có ý kiến gì khác; thửa đất còn lại là của ông T2 sử dụng, thửa đất số 69 (554), tờ bản đồ số 65, diện tích 70 m^2, sau đó ông T2 đã làm hợp đồng tặng cho bà Cao Thị Thanh T thửa đất này kèm theo Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất bà L đã ký xác nhận và được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 29/12/2010. Quá trình thực hiện việc cấp đất cho ông T2 UBND xã V đã công khai niêm yết theo đúng thủ tục trong 30 ngày và việc thực hiện hợp thửa, tách thửa, tặng cho đều không có khiếu nại nào của bà L.

Như vậy, việc ông Cao Hữu T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc hợp thửa và việc tách thửa để thực hiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T2 với bà Cao Thị Ngọc L và bà Cao Thị Thanh T là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tại thời điểm bà L có đơn kiến nghị thì việc xem xét tính hợp pháp đối với Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông T2 là đã hết thời hiệu xem xét. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện P1 ban hành Công văn số 1826 ngày 10/10/2016 để trả lời kiến nghị của bà Cao Thị Ngọc L là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ngọc L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Thanh T trình bày:

Khi bố tôi là ông Cao Hữu T2 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa bố tôi và bà L có xảy ra tranh chấp, có đưa đơn ra UBND xã V để giải quyết. Do không muốn giữa cha con có tranh chấp nên bố tôi đồng ý tách thửa tặng cho con gái là bà Cao Thị Ngọc L 01 thửa đất có bề ngang 4m. Khi tặng cho thì bố tôi có điều kiện là khi bố mất thì bà L mới được dọn về xây nhà để ở. Tuy nhiên khi làm đường thì bà L xin bố tôi cho dọn về ở thì bố tôi đồng ý. Việc bà L trình bày thửa đất bố tôi cho tôi có một phần ngôi nhà của bà L ở trên đất thì tôi không đồng ý.

UBND xã V trình bày: Tại Thông báo số 65/TB-UB ngày 20/6/2005 của UBND xã V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Cao Hữu T2 với bà Cao Thị Ngọc L thể hiện như sau: Vào năm 1998, ông Cao Hữu T2 và con gái là bà Cao Thị Ngọc L từ miền Bắc vào, ông T2 đã có đơn xin cấp đất làm nhà. Sau đó Ông đã giao cho bà L đứng tên lập thủ tục giao đất gửi UBND xã và UBND huyện đồng ý giải quyết ngày 20/11/1998. Nhưng do bà L không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định nên UBND huyện không có cơ sở giao đất cho bà L.

Về nguồn gốc thửa đất số 336, tờ bản đồ số 04, diện tích 100,0m^2; thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04, diện tích 72m^2 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 65, diện tích 172m^2 tại thôn P, xã V, huyện P1, ý kiến của ủy ban nhân dân xã thống nhất như ý kiến của ủy ban nhân dân huyện P1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừ Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 4, khoản 14 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ngọc L về việc tuyên hủy Công văn số 1826/UBND-TNMT ngày 10/10/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện P1 về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Cao Thị Ngọc L.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ngọc L về việc yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 150711 ngày 29/12/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/08/2019 bà Cao Thị Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện bà Cao Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến Luật sư Lê Thị Trà M bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị Ngọc L: Nguyên thửa đất đang khởi kiện là do Ủy ban nhân dân huyện P1 đồng ý cấp cho bà L làm nhà ở từ năm 1998 trên cơ sở Đơn xin giao đất làm nhà đề ngày 30/7/1998 của bà L. Vợ chồng bà L đã xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định trên đất. Ngày 10/01/2005, ông Cao Hữu T2 có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, bà L đã có Đơn khiếu nại; trong lúc đất đang có tranh chấp thì Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Hữu T2 là không đúng theo qui định của Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân huyện P1 cho rằng bà L không thực hiện các nghĩa vụ về nộp thuế sử dụng đất nhưng bà L không nhận bất cứ Thông báo nào của chính quyền các cấp. Sau đó, ông Cao Hữu T2 tách thửa và tặng cho bà Cao Thị Thanh T quyền sử dụng đất 70m^2 trong toàn bộ diện tích 172m^2 thửa đất nói trên có chồng lấn một phần diện tích ngôi nhà của vợ chồng Bà với diện tích khoảng 10m^2; hiện nay, bà T đã bán cho người khác nên gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC150711 ngày 29/12/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện P1 cấp cho ông T2 và tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho bà T là không tuân thủ đúng theo Luật tố tụng hành chính và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L huỷ Công văn số 1826/UBND-TNMT ngày 10/10/2016 và xem xét lại tính hợp pháp việc cấp huỷ Công văn số 1826/UBND-TNMT ngày 10/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P1 trả lời đơn kiến nghị của bà Cao Thị Ngọc L và đề nghị xem xét lại tính hợp pháp việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC150711 ngày 29/12/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2 và tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Thanh T.

Ý kiến của bà Cao Thị Ngọc L: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của ông Phan Công M1 - Phó Chủ tịch UBND huyện P1: Việc ông Cao Hữu T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005, sau đó hợp thửa và tách thửa để thực hiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T2 với bà L và bà T là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tại thời điểm bà L có đơn kiến nghị thì việc xem xét tính hợp pháp đối với Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông T2 là đã hết thời hiệu xem xét. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện P1 ban hành Công văn số 1826 ngày 10/10/2016 để trả lời kiến nghị của bà Cao Thị Ngọc L là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Ngọc L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Ý kiến của ông Hoàng Công S - Phó Chủ tịch UBND xã V: Về nguồn gốc đất và diễn biến khiếu nại đất đai như ông M1 đã trình bày; UBND xã V cũng đã có Thông báo số 65/TB-UB ngày 20/6/2005 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Cao Hữu T2 với bà Cao Thị Ngọc L. Thống nhất như ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện P1.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thể hiện giữa 02 thửa đất của bà L và bà T có chồng lần một phần nhà của bà L lấn sang diện tích đất bà Thuỷ là 6,33 m^2. Đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC150711 ngày 29/12/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2 và tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Thanh T cho rằng đã hết thời hiệu là không đúng, vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị Ngọc L, huỷ Bản án hành chính sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Ngọc L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, huỷ Công văn số 1826/UBND-TNMT ngày 10/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P1 trả lời đơn kiến nghị của bà Cao Thị Ngọc L và đề nghị xem xét lại tính hợp pháp việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC150711 ngày 29/12/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2 và tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Đối với yêu cầu hủy Công văn số 1826 ngày 10/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P1: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thể hiện giữa 02 thửa đất của bà L và bà T có chồng lần một phần nhà của bà L lấn sang diện tích đất bà Thuỷ là 6,33m^2. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm lại cho rằng: *"Tại thời điểm kê khai xin cấp giấy, bà L đã ký xác nhận vào Biên bản phân thửa ngày 29/12/2010 và không có ý kiến gì là đã mặc nhiên thừa nhận mốc ranh giới giữa 02 thửa đất. Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự nên UBND huyện P1 mới có cơ sở để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L và bà T. Do đó, việc bà L khiếu nại cho rằng việc tách thửa này của Ủy ban nhân dân huyện P1 là không đúng quy định pháp luật vì trên phần diện tích 70m^2 mà ông T2 tặng cho bà T có chồng lấn một phần diện tích ngôi nhà của vợ chồng bà L là không có cơ sở để chấp nhận"*. Ngược lại, bà L trình bày cho rằng bà xây cất nhà ở hiện nay có trước khi ông T2 tách thửa và làm hợp đồng tặng cho bà

Thuỷ; việc bà ký xác nhận vào Biên bản phân thửa ngày 29/12/2010 là do cơ quan nhà đất không đo đạc cụ thể và bà cũng không biết có việc chồng lấn diện tích đất như hiện nay, nếu biết bà đã không ký. Hiện nay, sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất bà Thuỷ đã chuyển nhượng lại cho người khác nên ảnh hưởng đến nhà của bà. Xét thấy, hiện trạng nhà bà L chồng lấn lên diện tích đất của bà Thuỷ là 6,3m^2 nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nếu cắt đi phần chồng lấn có ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà hay không hoặc thoả thuận của các bên như thế nào đã bác yêu cầu khởi kiện của bà L là không thoả đáng.

[3] Về tố tụng: Trong Đơn khởi kiện của bà Cao Thi Ngọc L có nội dung yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC150711 ngày 29/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P1 đã cấp cho ông Cao Hữu T2. Đây là quyết định hành chính được đưa ra xem xét nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa Uỷ ban nhân dân huyện P1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng: *"Kể từ thời điểm ông Cao Hữu T2 được cấp giấy chứng nhận và lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với bà Cao Thị Ngọc L (cùng ngày 29/12/2010) thì bà L đã biết việc ông T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 172 m^2. Theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì "thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính…". Đến nay, bà L mới có yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Cao Hữu T2 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Do đó, căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ngọc L…"*. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm lại đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm không đưa Uỷ ban nhân dân huyện P1 vào

tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính nêu trên là có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Cao Thị Ngọc L là có căn cứ; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp cần chấp nhận, huỷ bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm vụ án.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án. Về án phí hành chính phúc thẩm, do kháng

cáo được chấp nhận nên bà Cao Thị Ngọc L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Ngọc L, huỷ Bản án Hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và chuyển hồ sơ vụ án để Toà án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Cao Thị Ngọc L không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 005567 ngày 24/10/2019 của Cục Thi hành án tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao;*
- *TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *Chi cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông